TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST
Ngày: 15-10-2021
Về việc: "Tranh chấp về chia thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Nam
Ông Nguyễn Duy Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp về chia di sản thừa kế*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số: 39/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 53A/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Ngọc M**, sinh năm: 1942;

Địa chỉ: Số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc H - Luật sư Văn phòng Luật sư Đ, thuộc đoàn Luật sư thành phố Đ; Địa chỉ: Số 63 H, quận H, thành phố Đ (có mặt).

+ *Bị đơn*: Bà **Huỳnh Thị Kim A**, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đ (có mặt).

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Lê Quang V**, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Số 18, tổ 01, ấp 3, xã P, huyện L, tỉnh Đ1 (vắng mặt).

- Ông **Lê Hồng B**, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Số 64, Ngõ H, phường T1, quận Đ, thành phố H (vắng mặt).

- Bà **Lê Thị Thanh H**, sinh năm: 1970; Địa chỉ: chung cư B, phường 3, quận 4, thành phố H. Hiện trú tại: Số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đ (có mặt).

- Anh **Lê Quang T1**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Số 73 đường T, phường T, quận T, thành phố Đ (có mặt).

- Chị **Lê Ngọc Kiều T2**, sinh năm: 2002; Địa chỉ: Số 73 đường T, phường T, quận T, thành phố Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2020; Bản tự khai ngày 20/02/2021; biên bản hoà giải ngày 18/3/2021; Đơn yêu cầu Toà án công nhận sự thoả thuận của các đương sự ngày 29/4/2021; Biên bản hoà giải ngày 18/6/2021; Biên bản công khai chứng cứ ngày 01/7/2021; Biên bản hòa giải ngày 01/7/2021 và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc M trình bày:*

Nguồn gốc ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại thửa số 146, tờ bản đồ số 6; địa chỉ: Số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đ là do Nhà nước phân cho ông Lê Văn T (*sinh năm 1931, chết năm 2004*) và bà Phạm Thị Ngọc M đã được Nhà nước công nhận quyền sở hữu, sử dụng theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402....., hồ sơ gốc số 400.. do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/8/2001 đứng tên chủ sở hữu sử dụng là ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà M, ông T sinh được 04 người con gồm: Lê Quang L (*sinh năm 1962, chết năm 2018*); Lê Quang V, sinh năm 1965; Lê Hồng B, sinh năm 1967 và Lê Thị Thanh H, sinh năm 1970. Ngoài những người con đẻ nêu trên thì ông T không có con nuôi, con riêng nào khác. Cha mẹ sinh ra ông T đã chết từ lâu trước khi bà M về làm dâu. Vào năm 2004, ông Lê Văn T chết, trước khi chết ông T không để lại di chúc định đoạt phần di sản cho ai; năm 2018 ông Lê Quang L chết. Hiện nay ngôi nhà và đất trên hiện có bà M cùng 02 cháu nội (Lê Quang T1, Lê Ngọc Kiều T2), con dâu Huỳnh Thị Kim A và con gái Lê Thị Thanh H đang ở. Vì đông con, các con cũng khó khăn, bản thân bà M tuổi cao sức yếu, hay đau ốm thường xuyên; hơn nữa trong gia đình không thỏa thuận được với nhau về cách phân chia phần tài sản do ông Lê Văn T chết để lại nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia di sản thừa kế do chồng là ông Lê Văn T chết để lại trong khối tài sản chung với bà M cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà M xác định giá trị quyền sử dụng đất 44,60m^2 và căn nhà 3 tầng trên đất tại thửa số 146, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đ là 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*) và đề nghị Toà án lấy giá này để làm căn cứ chia theo quy định của pháp luật. Trong đó, phần tài sản của bà M giá trị 2.500.000.000đ (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*). Phần di sản của ông Lê Văn T để lại là 2.500.000.000 đồng. Bà M đề nghị Toà án chia di sản của ông T để lại cho hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật. Bà M có nguyện vọng được nhận toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất đồng thời sẽ thanh toán giá trị kỷ phần cho những người được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật của ông T. Đối với các kỷ phần mà các con là Lê Quang V, Lê Hồng B và Lê Thị Thanh H giao lại cho Bà thì bà xin nhận và không có ý kiến gì, nếu ai có nguyện vọng được nhận kỷ phần thì Bà sẽ thanh toán đầy đủ giá trị bằng tiền.

* *Tại Biên bản hòa giải ngày 18/3/2021; Biên bản hoà giải ngày*

18/6/2021; Biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 01/7/2021, bản tự khai ngày 14/7/2021 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim A trình bày:

Bà A có chồng là ông Lê Quang L (*sinh năm 1962 và chết năm 2018*), bà và ông L sinh được 02 người con là Lê Quang T1 và Lê Ngọc Kiều T2. Năm 2018 ông L chết, Bà và 02 con sống cùng mẹ chồng là bà Phạm Thị Ngọc M tại nhà số 73 T, phường T, quận T, thành phố Đ. Khi về làm dâu, bố chồng là ông Lê Văn T đã bị tai biến, bà chăm sóc gia đình nhiều năm, sau đó chồng bà là ông L cũng bị đột quỵ, cuộc sống gia đình vất vả khó khăn. Tuy nhiên Bà cũng cố gắng vun vén cho cuộc sống gia đình. Nay chồng Bà đã chết, hai con còn tuổi ăn học, ngoài nhà tại địa chỉ số 73 T, quận T, thành phố Đ thì bà cũng không có chỗ nào ở nữa nên Bà mong muốn mẹ chồng là bà M suy nghĩ lại và rút đơn khởi kiện để mẹ con Bà có chỗ ở và có chỗ để kinh doanh, buôn bán nuôi các con ăn học. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 146, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu sử dụng của bố mẹ chồng là ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M. Bà M khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Lê Văn T, bà không có tranh chấp gì, bà thống nhất với giá trị nhà đất nêu trên là 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*), đề nghị Toả án lấy giá trị nhà đất này để làm căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình ở và sử dụng căn nhà nêu trên thì vợ chồng bà cũng có đóng góp để sửa chữa căn nhà nhưng không có tài liệu gì chứng minh, nay bà M khởi kiện thì Bà xác định không yêu cầu gì về công sức đóng góp.

** Tại bản tự khai ngày 20/02/2021; Văn bản trình bày ý kiến; đơn đề nghị không tham gia phiên toà dân sự sơ thẩm ngày 29/3/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang V trình bày:* Nguồn gốc ngôi nhà và đất tại thửa số 146, tờ bản đồ số 6; địa chỉ: Số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đ là do Nhà nước phân cho cha mẹ của ông V là ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M và đã được Nhà nước công nhận quyền sở hữu, sử dụng theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402....., hồ sơ gốc số 400.. do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/8/2001 đứng tên cha, mẹ của ông V là ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Ngọc M. Ông T và bà M sinh được 04 người con gồm: Lê Quang L, sinh năm 1962; Lê Quang V, sinh năm 1965; Lê Hồng B, sinh năm 1967 và Lê Thị Thanh H, sinh năm 1970. Ngoài những người con đẻ nêu trên thì ông T và bà M không có con nuôi, con riêng nào khác; ông bà nội của ông V đã chết từ khi ông V chưa sinh ra. Vào năm 2004 ông Lê Văn T chết, trước khi chết ông T không để lại di chúc; năm 2018 anh trai của ông V là ông Lê Quang L chết. Hiện nay ngôi nhà và đất trên hiện do bà Phạm Thị Ngọc M cùng 02 cháu nội (Lê Quang T1, Lê Ngọc Kiều T2) và chị dâu Huỳnh Thị Kim A đang ở. Vì gia đình đông anh em, hiện tại đang khó khăn, bản thân bà M tuổi cao sức yếu, hay ốm đau thường xuyên; hơn nữa do trong gia đình không thoả thuận được với nhau về cách phân chia phần di sản thừa kế do ông T chết để lại nên bà M khởi kiện đến Toà án đề nghị phân chia di sản thừa kế nên đề nghị Toà án chia thừa kế cho các đồng thừa kế vì đây là di sản của ông T chết để lại chưa chia; đề nghị Toà án giao toàn bộ nhà đất cho bà M vì bà M là người nắm giữ kỷ phần lớn hơn, đồng thời bà M sẽ thối trả kỷ phần tương ứng cho bà Huỳnh Thị

Kim A. Ông Lê Quang V thống nhất giá trị nhà đất có tranh chấp là 5.000.000.000đ (*năm tỷ đồng*) đề nghị Toà án lấy giá này để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với kỷ phần ông Lê Quang V được nhận, ông V tự nguyện giao lại toàn bộ cho bà Phạm Thị Ngọc M toàn quyền quyết định.

** Tại bản tự khai ngày 28/02/2021; Văn bản trình bày ý kiến; đơn đề nghị không tham gia phiên toà dân sự sơ thẩm ngày 29/3/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hồng B trình bày:*

Nội dung phần trình bày của ông B cũng giống với nội dung trình bày của ông Lê Quang V như đã trình bày nêu trên, ông Lê Hồng B thống nhất giá trị nhà đất có tranh chấp là 5.000.000.000đ (*năm tỷ đồng*) đề nghị Toà án lấy giá này để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với kỷ phần ông Lê Hồng B được nhận, ông B tự nguyện giao lại toàn bộ cho bà Phạm Thị Ngọc M toàn quyền quyết định.

** Tại bản tự khai ngày 26/02/2021; bản tự khai ngày 28/02/2021; Biên bản hoà giải ngày 18/3/2021; Văn bản trình bày ý kiến; Biên bản hoà giải ngày 18/6/2021; Biên bản hoà giải ngày 01/7/2021 và tại phiên toà hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Thanh H trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị Ngọc M, thống nhất giá trị nhà đất có tranh chấp nêu trên là 5.000.000.000 đồng, và đề nghị Toà án lấy giá này để làm căn cứ chia theo quy định của pháp luật. Đối với kỷ phần thừa kế mà bà được nhận, bà xin từ chối nhận và giao kỷ phần bà được nhận cho mẹ là bà Phạm Thị Ngọc M. Bà đề nghị Toà án giao nhà đất cho bà M toàn quyền sở hữu, sử dụng và bà M có nghĩa vụ thối trả kỷ phần cho các thừa kế khác (nếu có yêu cầu) theo quy định của pháp luật.

** Tại Biên bản hoà giải ngày 18/3/2021; Biên bản hoà giải ngày 18/6/2021 và tại phiên toà hôm nay, người có quyền lợi ghĩa vụ liên quan là anh Lê Quang T1 trình bày:*

Anh Lê Quang T1 thống nhất với ý kiến trình bày của bà Huỳnh Thị Kim A, anh T1 xác định nhà đất nêu trên là của ông T và bà M, anh T1 không có tranh chấp gì, anh T1 thống nhất giá trị nhà đất có tranh chấp nêu trên là 5.000.000.000 đồng, đề nghị Toà án lấy giá này để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; anh T1 mong muốn bà nội là bà M suy nghĩ lại, không chia di sản thừa kế để mẹ con anh có chỗ ở.

** Tại Biên bản hoà giải ngày 18/3/2021; Biên bản hoà giải ngày 18/6/2021; Biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 01/7/2021 và tại phiên toà hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều T2 trình bày:*

Chị T2 thống nhất với ý kiến của bà Huỳnh Thị Kim A và anh Lê Quang T1 đã trình bày như trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Lê Văn T cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, đề nghị Toà án giao toàn bộ nhà đất cho bà

M được toàn quyền sở hữu sử dụng và bà M có nghĩa vụ thối trả giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu về việc tuân theo pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 638, 677, 678, 679, 688 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 28 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị Quyết số 02/200/NQ-HĐTP, Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 và Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Uỷ Ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của ông Lê Văn T theo pháp luật. Bà M được nhận phần nhà đất tương ứng với phần di sản của cụ T để lại và có trách nhiệm thối trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ ông Lê Quang V và ông Lê Hồng B đến tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng ông Vinh, ông B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và không tham gia phiên toà nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Lê Quang V và ông Lê Hồng B theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn là cụ bà Phạm Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn T để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nên Toà án xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản*" là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn là cụ bà Phạm Thị Ngọc M khởi kiện đối với bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim A có địa chỉ tại nhà số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đ. Do đó, theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[4] *Về pháp luật áp dụng*: Cụ Lê Văn T chết năm 2004 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 1995 đang có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên tại thời điểm này các đương sự không yêu cầu giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản; đến năm 2020 cụ M khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án xem xét áp dụng các quy

định của Bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[5] *Về nội dung vụ án:* Cụ ông Lê Văn T (*sinh năm 1931, chết năm 2004)* và cụ bà Phạm Thị Ngọc M (*sinh năm 1942*), trong thời kỳ hôn nhân, hai cụ sinh được 04 người con chung là Lê Quang L (sinh năm 1962, chết năm 2018); Lê Quang V, sinh năm 1965; Lê Hồng B, sinh năm 1967 và Lê Thị Thanh H, sinh năm 1970. Theo các đương sự trình bày thì ngoài những người con nói trên thì cụ T không có con riêng hay con nuôi nào khác; bố mẹ của cụ T đều đã chết trước khi cụ T chết. Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, văn bản trình bày, tại buổi hòa giải và tại phiên tòa, các đương sự đều xác định: Nguồn gốc quyền sử dụng đất và căn nhà 3 tầng gắn liền với đất tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 6 địa chỉ: Số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đ là tài sản chung của cụ ông Lê Văn T và cụ bà Phạm Thị Ngọc M tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và được Nhà nước công nhận quyền sở hữu, sử dụng theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402....., hồ sơ gốc số 400.. do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/8/2001 đứng tên chủ sở hữu sử dụng là cụ ông Lê Văn T và cụ bà Phạm Thị Ngọc M. Năm 2004 cụ ông Lê Văn T chết, trước khi chết cụ T không để lại di chúc định đoạt phần tài sản của mình nên sau khi cụ T chết thì di sản của cụ T để lại là ½ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nêu trên và chưa chia. Như vậy, di sản của cụ T để lại là phù hợp với quy định tại Điều 612 của Bộ luật dân sự của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] ½ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở là di sản của cụ T để lại nêu trên và có tranh chấp nằm chung trong phần tài sản của cụ bà Phạm Thị Ngọc M; cụ bà Phạm Thị Ngọc M cùng với con gái là bà Lê Thị Thanh H, con dâu là bà Huỳnh Thị Kim A và các cháu là anh Lê Quang T1 và chị Lê Ngọc Kiều T2 đang ở và sử dụng; căn nhà nêu trên cũng là nơi các con, cháu của cụ T và cụ M ở xa mỗi khi về ở. Như vậy, cụ M cùng với các con, cháu quản lý di sản của cụ T để lại nên không xem xét đến việc thanh toán chi phí bảo quản di sản cho riêng một ai.

[7] Cụ T trước khi chết không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào, do đó những người hưởng thừa kế không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào trong phạm vi di sản do người chết để lại.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không đề nghị Toà án định giá tài sản theo giá thị trường mà tự thoả thuận giá trị quyền sử dụng đất có diện tích diện tích: 44,60 m^2 và quyền sở hữu nhà ở là căn nhà 3 tầng gắn liền trên đất tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 6; địa chỉ: Số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đcó giá trị 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*) và đề nghị Toà án lấy giá này để làm căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[9] Theo Biên bản xác minh ngày 05/7/2021 tại Phòng tài chính Kế hoạch quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xác định giá trị quyền sử dụng đất tại đường T, phường T, quận T, thành phố Đ theo giá nhà nước có giá trị là 71.240.000/m^2. Như vậy, có căn cứ để xác định các đương sự tự xác định và

thoả thuận giá trị tài sản có tranh chấp nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba.

[10] Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 6; diện tích: 44 m^2; địa chỉ: Số 73 đường T, tổ 50, phường T, quận T, thành phố Đ có giá trì 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng*). Như vậy, ½ giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của cụ bà Phạm Thị Ngọc M là 2.500.000.000đ và di sản thừa kế của cụ ông Lê Văn T để lại là ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 2.500.000.000 đồng.

[11] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ bà Phạm Thị Ngọc M đối với di sản của cụ ông Lê Văn T theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Cụ ông Lê Văn T chết năm 2004, trước khi chết không để lại di chúc nên thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ bà Phạm Thị Ngọc M là phù hợp theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự; do vậy nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ ông Lê Văn T để lại là có căn cứ, phù hợp với Điều 649 và 650 của Bộ luật dân sự.

+ Thời điểm mở thừa kế của cụ ông Lê Văn T là thời điểm cụ T chết vào ngày 17/10/2004: Căn cứ vào khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự thì những người thừa kế di sản theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Lê Văn T là 05 người, bao gồm: vợ của cụ T là cụ bà Phạm Thị Ngọc M; các con là ông Lê Quang L, ông Lê Quang V, ông Lê Hồng B và bà Lê Thị Thanh H. Như vậy, mỗi người thừa kế của cụ T sẽ được hưởng di sản bằng nhau, mỗi kỷ phần trị giá: 2.500.000.000 đồng : 5 = 500.000.000 đồng.

Ông Lê Quang L chết năm 2018 nên phần di sản mà ông L được hưởng khi chia di sản thừa kế của cụ Thuận, sẽ chia thừa kế theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L, bao gồm: mẹ ruột của ông L là cụ bà Phạm Thị Ngọc M, vợ của ông L là bà Huỳnh Thị Kim A, hai con của ông L là anh Lê Quang T1 và chị Lê Ngọc Kiều T2; giá trị mỗi người được hưởng là 500.000.000 đồng : 4 = 125.000.000 đồng.

[12] Xác định kỷ phần thừa kế của các thừa kế được hưởng di sản thừa kế của cụ ông Lê Văn T khi chia là:

[12.1] Cụ bà Phạm Thị Ngọc M được nhận là: 500.000.000 đồng + 125.000.000 đồng = 625.000.000 đồng.

[12.2] Ông Lê Quang V được nhận là: 500.000.000 đồng.

[12.3] Ông Lê Hồng B được nhận là: 500.000.000 đồng.

[12.4] Bà Lê Thị Thanh H được nhận là: 500.000.000 đồng.

[12.5] Bà Huỳnh Thị Kim A được nhận là: 125.000.000 đồng.

[12.6] Anh Lê Quang T1 được nhận là: 125.000.000 đồng.

[12.7] Chị Lê Ngọc Kiều T2 được nhận là: 125.000.000 đồng

[13] Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà: Lê Quang V, Lê Hồng B và Lê Thị Thanh H xác định từ chối không nhận phần di sản của mình được nhận mà giao (nhường) lại cho cụ bà Phạm Thị Ngọc M được toàn quyền nhận phần di sản thừa kế mà cụ ông Lê Văn T để lại, đồng thời đề nghị Toà án giao toàn bộ nhà đất cho cụ bà Phạm Thị Ngọc M được toàn quyền sở hữu sử dụng và cụ M có nghĩa vụ thanh toán cho những người thừa kế khác giá trị bằng tiền tương ứng với kỷ phần mà họ được hưởng. Hội đồng xét xử xét thấy ông Vinh, ông B và bà Hà đều tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế được nhận cho cụ bà Phạm Thị Ngọc M, sự tự nguyện này không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

[14] Như vậy, tổng giá trị tài sản của cụ bà Phạm Thị Ngọc M và được hưởng di sản thừa kế đối với nhà đất nêu trên là: 2.500.000.000 đồng + 500.000.000 đồng + 125.000.000 đồng + 500.000.000 đồng + 500.000.000 đồng + 500.000.000 đồng = 4.625.000.000 đồng.

[15] Bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Quang T1 và chị Lê Ngọc Kiều T2 xác định tài sản nhà đất có tranh chấp nêu trên là di sản của cụ ông Lê Văn T và tài sản cụ bà Phạm Thị Ngọc M. Bà Anh, anh T1 và Chị T2 xác định không có tranh chấp gì với cụ M nhưng chỉ có yêu cầu khi cụ M xem xét cho thêm để mẹ con Bà A ổn định cuộc sống nhưng không được bà M chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[16] Theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 và Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy Ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thì diện tích đất tối thiểu của thửa đất hình thành và thửa đất ở còn lại sau khi tách thửa trên địa bàn quận Thanh Khê phải là 50m^2, chiều rộng đất tối thiểu là 3m. Như vậy, thửa đất nói trên là di sản của cụ T để lại và là tài sản của cụ M không thể chia bằng hiện vật, nên chỉ có thể chia giá trị bằng tiền.

[17] Hội đồng xét xử xét thấy, nhà đất nêu trên là di sản của cụ ông Lê Văn T để lại và là tài sản của cụ bà Phạm Thị Ngọc M, như đã phân tích ở trên không thể phân chia bằng hiện vật. Do vậy, cần giao cho cụ bà Phạm Thị Ngọc M được toàn quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất ở có diện tích 44,60m^2 và tài sản gắn liền với đất ở là căn nhà 3 tầng tại thửa đất số: 146, tờ bản đồ số 06; địa chỉ 73 đường T, phường T, quận T, thành phố Đ là có căn cứ, cụ M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Anh, anh T1 và Chị T2 giá trị bằng tiền như đã phân tích ở trên tương ứng với giá trị kỷ phần mà họ được hưởng.

Cụ bà Phạm Thị Ngọc M được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục sang tên đổi chủ đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

[18] Về án phí:

[18.1] Cụ bà Phạm Thị Ngọc M là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cụ Phạm Thị Ngọc M được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần di sản được hưởng.

[18.2] Đối với kỷ phần mà cụ bà Phạm Thị Ngọc M được nhận tặng cho từ các ông bà Lê Quang V, Lê Hồng B và Lê Thị Thanh H thì cụ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền tương ứng với giá trị kỷ phần mà ông Vinh, ông B và bà Hà được nhận (tổng cộng là 1.500.000.000 đồng).

[18.3] Bà Huỳnh Thị Kim A, anh Lê Quang T1 và chị Lê Ngọc Kiều T2 phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn T là có căn phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 5 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 và Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy Ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cụ bà Phạm Thị Ngọc M về việc "*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản*" đối với bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim A.

1. Xác định quyền sử dụng đất có diện tích 44,60m^2 và căn nhà 3 tầng trên đất tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 6; tại địa chỉ số 73 đường T, phường T, quận T, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402.....; hồ sơ gốc số 400.. do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/8/2001, đứng tên cụ ông Lê Văn T và cụ bà Phạm Thị Ngọc M có tổng giá trị là: 5.000.000.000đ (*Năm tỷ đồng)*; trong đó:

1.1. Tài sản của cụ bà Phạm Thị Ngọc M là ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có giá trị là: 2.5000.000.000đ (*Hai tỷ, năm trăm triệu đồng*).

1.2. Di sản thừa kế của cụ ông Lê Văn T để lại có giá trị là 2.500.000.000đ (*Hai tỷ, năm trăm triệu đồng*).

2. Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế của ông Lê Quang V, ông Lê Hồng B và bà Lê Thị Thanh H đối với cụ bà Phạm Thị Ngọc M.

3. Giao cho cụ bà Phạm Thị Ngọc M được trọn quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ Quyền sử dụng đất ở với diện tích 44,60 m^2 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà 3 tầng tọa lạc tại thửa đất số số 146, tờ bản đồ số 6; địa chỉ tại 73 đường T, phường T, quận T, thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402.....; hồ sơ gốc số 400.. do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/8/2001 đứng tên cụ ông Lê Văn T và cụ bà Phạm Thị Ngọc M.

4. Cụ bà Phạm Thị Ngọc M có nghĩa vụ thanh toán như sau:

+ Thanh toán cho bà Huỳnh Thị Kim A số tiền 125.000.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*);

+ Thanh toán cho anh Lê Quang T1 số tiền 125.000.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*);

+ Thanh toán cho chị Lê Ngọc Kiều T2 số tiền 125.000.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*);

5. Cụ bà Phạm Thị Ngọc M được quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục sang tên, đổi chủ đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 6, địa chỉ 73 đường T, phường T, quận T, thành phố Đ theo quy định của pháp luật.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Buộc cụ Phạm Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 57.000.000đ (*Năm mươi bảy triệu đồng*).

7.2. Buộc bà Huỳnh Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000đ (*Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

7.3. Buộc anh Lê Quang T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000đ (*Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

7.4. Buộc chị Lê Ngọc Kiều T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000đ (*Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang V, ông Lê Hồng B vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đức Thiện